

Số: 21 /2014/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 09 tháng 7 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng  
dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 368/TTr-STNMT ngày 02 tháng 7 năm 2014 về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,


**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2.** Giao cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.



Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lê Văn Thi

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3 của Quyết định;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh KG;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh KG;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Website tỉnh;
- LĐVP, P.KTCN;
- Lưu: VT, dt nha (5b).



## QUY CHẾ

### Thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 21 /2014/QĐ-UBND  
ngày 09 tháng 7 năm 2014 của UBND tỉnh Kiên Giang)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, cập nhật khai thác và sử dụng dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, tài nguyên môi trường biển và hải đảo (sau đây gọi chung là dữ liệu về tài nguyên và môi trường); trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) trong việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

### Điều 3. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường là các bản chính, bản gốc gồm tài liệu, mẫu vật, số liệu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và được hình thành trong hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản, nước, khí tượng thủy văn, tài nguyên môi trường biển và đảo do ngành tài nguyên và môi trường xây dựng và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh cung cấp.

Các loại dữ liệu về tài nguyên và môi trường được quy định tại Điều 3 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ.

### Điều 4. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường là tập hợp dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên phạm vi toàn tỉnh đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và được lưu trữ một cách hệ thống, có tổ chức dưới dạng tệp dữ liệu được lưu trữ trên các hệ thống tin học, các thiết bị lưu trữ và các vật mang tin như ổ cứng, băng từ, đĩa CD, DVD... hoặc văn bản, tài liệu được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí trên địa bàn tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

2. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường của UBND tỉnh được xây dựng trên cơ sở xử lý, phân tích, tổng hợp, tích hợp các dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu thành phần cho các lĩnh vực quản lý gồm đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, biển và hải đảo và các dữ liệu khác về tài nguyên và môi trường.

**Điều 5. Yêu cầu đối với dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

Tất cả các dữ liệu trước khi được cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được kiểm tra, đánh giá, xử lý theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Chương II**

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THU THẬP, QUẢN LÝ, CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 6. Trách nhiệm thu thập và quản lý dữ liệu**

Trách nhiệm thu thập và quản lý dữ liệu thực hiện theo Điều 10 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 7. Nguyên tắc, căn cứ lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, theo quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14, 15 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 8. Trách nhiệm, hình thức và thời hạn giao nộp dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Trách nhiệm giao nộp dữ liệu tài nguyên và môi trường:

a) Hàng năm sau khi kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tập hợp xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Các đơn vị trong ngành tài nguyên và môi trường có trách nhiệm định kỳ giao nộp các dữ liệu về tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực mình quản lý cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định và theo kế hoạch hàng năm.

c) Các tổ chức, cá nhân (kể cả người nước ngoài) có dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh giao nộp, hiến tặng dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường).

## 2. Hình thức, thời hạn giao nộp dữ liệu:

### a) Hình thức:

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường khi giao nộp phải là các bản chính, bản gốc gồm tài liệu, mẫu vật các dữ liệu ở dạng file số đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Khi giao nộp phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy định.

Dữ liệu dạng giấy gồm hồ sơ, tài liệu được nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Dữ liệu ở dạng các file số được gửi trực tiếp qua mạng thông tin điện tử hoặc nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Đối với các dữ liệu tài nguyên và môi trường của các lĩnh vực đã được xây dựng cơ sở dữ liệu và được cập nhật hàng năm bằng công nghệ thông tin bởi các cơ quan chuyên môn, Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, tích hợp trực tuyến các dữ liệu từ cơ sở dữ liệu thành phần vào cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường cấp tỉnh theo đúng quy định kỹ thuật và nội dung dữ liệu.

b) Thời hạn giao nộp dữ liệu tài nguyên và môi trường là một năm kể từ ngày kết thúc công trình, dự án, đề tài, công việc và vào trước quý I của năm kế tiếp.

### **Điều 9. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên môi trường**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm, kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu như đã công bố trong danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Trung tâm Công nghệ thông tin, các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có chức năng thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm giúp Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn.

3. Nguyên tắc, nội dung kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường tuân thủ theo Điều 17, 18, 19 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **Điều 10. Kinh phí thu thập, quản lý dữ liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

1. Kinh phí thu thập, quản lý, cập nhật dữ liệu và xây dựng cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách tỉnh đảm bảo và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các ngành, đơn vị liên quan xây dựng phương án, kế hoạch kinh phí thực hiện việc



thu thập, quản lý, cập nhật dữ liệu và xây dựng cập nhật cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện hàng năm xây dựng phương án, kế hoạch kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu và số hoá dữ liệu chưa ở dạng số theo thứ tự ưu tiên và tầm quan trọng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

### **Chương III**

## **CÔNG BỐ, CUNG CẤP, KHAI THÁC VÀ LƯU TRỮ, BẢO QUẢN AN TOÀN DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **Điều 11. Công bố danh mục dữ liệu**

Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường là danh sách những dữ liệu về tài nguyên và môi trường hiện có kèm theo chỉ dẫn về phương thức tiếp cận, cơ quan quản lý, địa chỉ truy cập, nơi lưu trữ, bảo quản dữ liệu và mô tả chi tiết về từng dữ liệu theo tiêu chuẩn lập siêu dữ liệu của ngành tài nguyên và môi trường.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh mục dữ liệu tài nguyên môi trường đối với những dữ liệu mà theo quy định của pháp luật phải được công khai, phổ biến rộng rãi. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký công bố danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Việc công bố phải tuân theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

3. Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường và niêm yết tại trụ sở làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường.

### **Điều 12. Thẩm quyền cung cấp dữ liệu**

1. Việc cung cấp dữ liệu mật về tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước quy định tại Quyết định số 21/2013/QĐ-TTg ngày 24/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật nhà nước độ tối mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Thông tư số 29/2013/TT-BCA ngày 10/5/2013 của Bộ Công an quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt cho phép cung cấp sử dụng dữ liệu độ Tối mật.

b) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt cho phép cung cấp sử dụng dữ liệu độ Mật.

2. Thủ trưởng cơ quan lưu trữ dữ liệu cho phép cung cấp sử dụng dữ liệu trừ các tài liệu quy định ở Khoản 1 của Điều này.

### **Điều 13. Cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu**

1. Nguyên tắc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường:

a) Đảm bảo phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- b) Tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân tiếp cận nhanh chóng, dễ dàng, tránh phải cung cấp nhiều lần cùng một nội dung dữ liệu.
- c) Tạo thuận lợi cho các hoạt động trên môi trường mạng.
- d) Bảo đảm đầy đủ, chính xác, theo đúng thời hạn và nội dung yêu cầu.
- đ) Bảo đảm sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả.
- e) Phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.
- g) Phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu. Việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu phải tuân theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.
- h) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh tham gia nối mạng với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp quốc gia để được quyền khai thác, sử dụng miễn phí các dữ liệu cần thiết để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Việc cung cấp dữ liệu trên mạng Internet thực hiện theo Điều 21 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Điều 13 của Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT ngày 31/7/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp thông tin và bảo đảm khả năng truy cập thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

3. Việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường cho các tổ chức và cá nhân bằng phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu thực hiện theo quy định tại các Điều 22, 23, 24 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Mẫu văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Mẫu số 01, 02 kèm theo của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

4. Việc khai thác sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường bằng hình thức hợp đồng được thực hiện theo quy định của Bộ Luật dân sự giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu. (Mẫu hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường theo mẫu số 03 kèm theo Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

5. Những trường hợp không cung cấp dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### **Điều 14. Lưu trữ, bảo quản dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

1. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại kịp thời, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá dữ liệu để lưu trữ, bảo quản an toàn trong các kho lưu trữ.

2. Cơ quan quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản đúng theo các quy định, quy trình, pháp luật về lưu trữ.

3. Lưu trữ, bảo quản phải đáp ứng các yêu cầu: Đầy đủ, nguyên trạng, an toàn, dễ tra cứu sử dụng.



4. Kho lưu trữ phải có đầy đủ các thiết bị, phương tiện cần thiết để lưu trữ theo quy định của Bộ Nội vụ về kho lưu trữ chuyên dụng.

**Điều 15. Bảo đảm an toàn dữ liệu số và chế độ bảo mật dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

1. Việc bảo đảm an toàn dữ liệu số về tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm việc thu thập, xử lý, cập nhật thông tin một cách đầy đủ, tin cậy, nhanh chóng, chính xác, đồng thời bảo đảm việc lưu trữ dữ liệu an toàn trong cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Chế độ bảo mật dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập danh mục các dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước, mức độ bảo mật và phương án bảo vệ dữ liệu.

**Chương IV**  
**PHỐI HỢP, CHIA SẺ DỮ LIỆU**  
**VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 16. Nguyên tắc phối hợp, chia sẻ dữ liệu**

Nguyên tắc phối hợp, chia sẻ dữ liệu thực hiện theo Điều 28 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 17. Các nội dung chính cần phối hợp**

Nội dung chính cần phối hợp bao gồm việc phối hợp trong quá trình lập kế hoạch thu thập dữ liệu và phối hợp trong quá trình thực hiện thu thập và xử lý dữ liệu:

1. Trong quá trình lập kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi dự thảo kế hoạch đến các Sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và cơ quan các huyện, thị xã, thành phố có chức năng quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực dữ liệu cần thu thập để tham gia ý kiến. Trong đó, nêu rõ những hoạt động, nhiệm vụ sẽ phối hợp thực hiện để bảo đảm tránh trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ.

2. Trong quá trình thực hiện việc thu thập, xử lý dữ liệu các đơn vị được giao nhiệm vụ phải phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan đến dữ liệu cần thu thập để bảo đảm việc thu thập, xử lý dữ liệu tuân thủ đúng quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm chính xác, tin cậy, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực, bảo đảm nhiệm vụ được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả.



**Điều 18. Phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

Việc phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Chương V**  
**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

**Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường**

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiến hành kiểm tra công tác thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý theo quy định trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm Quy chế này.

**Điều 20. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xác định dữ liệu tài nguyên và môi trường có liên quan đến ngành, địa phương phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch thu thập hàng năm và tổ chức cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường theo kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn, cung cấp thông tin cho tổ chức và cá nhân có nhu cầu sử dụng; tổ chức giao nộp dữ liệu dạng số về tài nguyên và môi trường cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

**Điều 21. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ.

**Chương VI**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 22. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.



2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *Uwe*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Lê Văn Thi

